

Bản án số: 458/2024/HS-ST

Ngày: 29 - 8 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trang Văn Hai và bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 476/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 471/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Đinh Thị N, sinh năm 1999, tại Đồng Nai. Hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: 272/8, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Tự do. Trình độ học vấn: 11/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Công giáo. Con ông Đinh Văn L, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1969. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Bị cáo có chồng tên Lý Công M, sinh năm 1998. Bị cáo có 01 người con, sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

*** Bị hại:** Chị Hồ Thị L, sinh năm 1997

Địa chỉ: 211/29/1, tổ A, khu phố B, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Vũ Quốc D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 18/3 khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Anh Đàm Minh T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ 35, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

1. Chị Đồng Thị Thanh H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: 79/5, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Tổ 13, khu phố 6, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Thị N và chị Hồ Thị L (sinh năm 1997, thường trú tại tổ A, thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi) có quen biết và làm chung công ty với nhau tại Công ty T, thuộc Khu Công nghiệp B, phường A, thành phố B, chị L và N thuê trọ ở gần nhau tại khu phố A, phường L, thành phố B. Sau khi N nghỉ làm, chị L thường xuyên giao chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76P1 – 131.18 cho N để N làm phương tiện đi lại và giao chìa khóa phòng trọ của chị L cho N, mỗi sáng N đến phòng trọ của chị L tại địa chỉ 211/29/1, tổ 30, khu phố A, phường L, thành phố B chở chị L đi làm tại Công ty T, sau đó N điều khiển xe mô tô về phòng trọ của chị L, đến chiều thì N sử dụng xe mô tô của chị L đi đón con của chị L tan học và đến Công ty T đón chị L đi làm về. Sáng ngày 15/05/2024, N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76P1 – 131.18 chở chị L đến Công ty T làm việc rồi mang xe về phòng trọ của chị L, do chồng N là anh Lý Công M (sinh năm 1998, ngụ tại 272/8 khu phố A, phường T, thành phố B) vay mượn tiền của nhiều người nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 76P1 – 131.18 của chị L đem bán để lấy tiền trả nợ cho chồng. Khoảng 09 giờ cùng ngày, N điều khiển chiếc xe mô tô trên đến phòng trọ của chị Đồng Thị Thanh H (sinh năm 2000) tại địa chỉ 79/5, khu phố A, phường T, thành phố B để nhờ chị H tìm chỗ bán xe, chị H hỏi nguồn gốc xe thì N nói dối là xe N mua lại của chị L và đem bán. Chị H gọi cho anh Nguyễn Văn H1 (sinh năm 1998, ngụ tại tổ 13, khu phố A, thị trấn V, huyện Vĩnh Cửu) để nhờ anh H1 bán xe giúp N, chị H chụp hình xe và Giấy chứng nhận đăng ký xe gửi cho anh H1 xem. Anh H1 đến tiệm mua bán xe Vũ Dũng L tại địa chỉ 18/3 khu phố A, phường T, thành phố B, do anh Vũ Quốc D làm chủ, anh H1 đưa hình ảnh cho anh D xem và anh D đồng ý mua xe mô tô biển số 76P1 – 131.18 với giá 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng), anh H1 báo lại cho chị H và N thì N đồng ý bán.

Đến 09 giờ ngày 16/5/2024, N điều khiển xe mô tô biển số 76P1 – 131.18 đến nhà của chị H, tại đây N gặp và giao xe cho anh H1, anh H1 điều khiển xe đến cửa hàng Vũ Dũng L bán cho anh D rồi anh H1 nhận tiền và chuyển 21.000.000đ (Hai mươi một triệu đồng) vào tài khoản của chị H. N nhờ chị H liên hệ anh Đàm Minh T (sinh năm 1991, ngụ tại khu phố A, phường T, thành phố B) mua dùm N 01 chiếc xe đạp điện với giá 14.300.000đ (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng), nhờ chị H chuyển khoản cho anh H1 200.000đ (Hai trăm

ngàn đồng) vì anh H1 đã bán xe giúp N. Còn lại 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) chị H chuyển vào tài khoản của N, N đi rút số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng) để trả nợ cho một số đối tượng (không rõ nhân thân, lai lịch).

Khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, chị L gọi điện thoại cho N nhưng N không nghe máy rồi nhắn tin để tránh né chị L, N nói xe của chị L bị mất trộm, chị L yêu cầu N cùng chị L đến công an trình báo. Ngày 23/5/2024, chị L cùng N đi đến Đồn Công an Khu Công nghiệp B để trình báo sự việc mất trộm xe, tại đây N đầu thú và khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của chị L, Đồn Công an Khu Công nghiệp B lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa để điều tra xử lý.

- Vật chứng thu giữ gồm:

+ 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76P1 – 131.18, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu giữ và giao trả cho chị Hồ Thị L là chủ sở hữu.

+ Số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng), trong đó anh Đàm Minh T giao nộp số tiền 14.300.000đ (Mười bốn triệu ba trăm ngàn đồng) N mua xe đạp điện, anh Nguyễn Văn H1 giao nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) N đưa anh H1 vì đã bán xe dùm N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã giao trả cho anh Vũ Quốc D (tiền anh D mua chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76P1 – 131.18).

+ 01 (Một) chiếc xe đạp điện hiệu VCK, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã giao trả cho anh Đàm Minh T (anh T đã nộp lại tiền N mua xe đạp điện).

+ 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 Plus, số IMEI 1: 35440210048965, số IMEI 2: 354403100548963, N sử dụng liên lạc với bị hại và nhận thông tin chuyển khoản tiền do phạm tội mà có.

+ Đối với số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng), N đã dùng trả nợ cho những người không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu hồi được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 158/KL-HĐĐGTS ngày 28/5/2024, của Hội đồng định giá tài sản thành phố Biên Hòa đã kết luận: “01 (Một) xe mô tô biển số 76P1-131.18 trị giá 32.400.000đ (Ba mươi hai triệu, bốn trăm ngàn đồng).

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Hồ Thị L đã nhận lại chiếc xe mô tô biển số 76P1 – 131.18 nên không có yêu cầu bồi thường, anh Vũ Quốc D đã nhận lại số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và không có yêu cầu bồi thường đối với số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 463/CT-VKSBH ngày 08/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố Đinh Thị N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm

2017) xử phạt bị cáo Đinh Thị N mức án tù 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tuyên tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 Plus, số IMEI 1: 35440210048965, số IMEI 2: 354403100548963 là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Hồ Thị L đã nhận lại chiếc xe mô tô biển số 76P1 – 131.18 nên không có yêu cầu bồi thường, anh Vũ Quốc D đã nhận lại số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và không có yêu cầu bồi thường đối với số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa và lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng, lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để kết luận: Vào ngày 16/5/2024, tại phòng trọ địa chỉ 211/29/1, tổ 30, khu phố A, phường L, thành phố B, Đinh Thị N đã có hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 76P1-131.18 trị giá 32.400.000đ (Ba mươi hai triệu, bốn trăm nghìn đồng) của chị Hồ Thị L thì bị khởi tố để điều tra xử lý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương và đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đầu thú nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 Plus, số IMEI 1: 35440210048965, số IMEI 2: 354403100548963.

[5.2] Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76P1 – 131.18, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu giữ và giao trả cho chị Hồ Thị L là chủ sở hữu là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5.3] Đối với số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó anh Đàm Minh T giao nộp số tiền 14.300.000đ (Mười bốn triệu ba trăm nghìn đồng) N mua xe đạp điện, anh Nguyễn Văn H1 giao nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) N đưa anh H1 vì đã bán xe dùm N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã giao trả cho anh Vũ Quốc D (tiền anh D mua chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 76P1 – 131.18) là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5.4] Đối với 01 (Một) chiếc xe đạp điện hiệu VCK, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã giao trả cho anh Đàm Minh T (anh T đã nộp lại tiền N mua xe đạp điện) là đúng quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5.5] Đối với số tiền 6.500.000đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), N đã dùng trả nợ cho những người không rõ nhân thân, lai lịch nên không thu hồi được anh Vũ Quốc D không có yêu cầu bồi thường đối với số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Tuyên bố bị cáo Đinh Thị N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Đinh Thị N 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị giam giữ trước đó (từ ngày 24/5/2024 đến ngày 31/5/2024).

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 (Một) chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J6 Plus, số IMEI 1: 35440210048965, số IMEI 2: 354403100548963.

(Tất cả các vật chứng trên được giao nhận theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/8/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Đinh Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Công an TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Sở Tư pháp;
- TAND tỉnh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Tâm

Mẫu 27-HS